

KẾ HOẠCH

sơ kết 01 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp

Căn cứ Công văn số 08-CV/BCĐ, ngày 19/5/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch sơ kết 1 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh, với những nội dung cụ thể sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức sơ kết, đánh giá toàn diện, khách quan kết quả 01 năm triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh; làm rõ những kết quả nổi bật, điển hình, cơ bản đã đạt được, chỉ ra những hạn chế, khó khăn, vướng mắc chủ yếu, nguyên nhân chủ quan, khách quan và những bài học kinh nghiệm.

- Trên cơ sở kết quả sơ kết, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của giai đoạn 2026 - 2031 để tiếp tục hoàn thiện chính quyền địa phương 02 cấp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương, đặc biệt là cấp xã, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu phát triển của tỉnh.

- Việc sơ kết phải được triển khai thực hiện nghiêm túc; nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, đánh giá đúng sự thật, khách quan; phát huy dân chủ, trách nhiệm, tập hợp trí tuệ của các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên và các thành viên trong hệ thống chính trị.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức sơ kết phải được tiến hành hết sức nghiêm túc, khoa học, bảo đảm phản ánh đầy đủ, đúng thực tiễn, đúng hiệu quả vận hành chính quyền địa phương 02 cấp tại các địa phương; tránh “bệnh thành tích”, hình thức, đánh giá chung chung.

- Việc tổ chức sơ kết phải bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy và cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; gắn việc sơ kết với rà soát thể chế, chính sách, tổ chức bộ máy, biên chế, phân cấp, phân quyền, tài chính, tài sản công,...

- Kết quả sơ kết phải có tính định hướng chính sách rõ ràng, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời gian tới.

II- NỘI DUNG SƠ KẾT

Tổ chức sơ kết và báo cáo đánh giá toàn diện các nội dung sơ kết theo Đề cương và biểu mẫu (*kèm theo⁽¹⁾*). Báo cáo sơ kết cần tập trung các nội dung sau:

- Công tác thông tin, tuyên truyền; lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện; công tác kiểm tra, giám sát.

- Kết quả sau 01 năm thực hiện trên các lĩnh vực: (1) kết quả sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức; (2) việc thực hiện phân cấp, phân quyền; giải quyết thủ tục hành chính; (3) về bảo đảm nguồn lực tài chính hoạt động của hệ thống chính trị; (4) về cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài sản công; (5) số hóa tài liệu, lưu trữ; (6) về hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số; (7) về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; (8) Cách làm hay, mô hình sáng tạo,...

- Đánh giá chung về ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân; bài học kinh nghiệm.

- Nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2026 - 2031 trên các lĩnh vực.

- Đề xuất, kiến nghị với tỉnh và Trung ương (*nếu có*).

III- THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC SƠ KẾT

Việc sơ kết 01 năm thực hiện vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp được thực hiện đồng bộ từ cấp xã đến cấp tỉnh.

1. Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, Ban Thường vụ các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Đảng ủy Cơ quan Ủy ban Mặt trận quốc Việt Nam tỉnh, Đảng ủy Cơ quan Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, ban thường vụ đảng ủy các xã, phường, đặc khu: Thực hiện báo cáo sơ kết hoặc tổ chức hội nghị sơ kết phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương; hoàn thành và gửi báo cáo (*kèm đầy đủ các biểu mẫu, cả bản giấy và file*) về Ban Tổ chức Tỉnh ủy **trước ngày 29/5/2026**.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị sơ kết 01 năm thực hiện vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp ở cấp tỉnh, với địa điểm, thời gian, thành phần tham dự, như sau:

2.1. Địa điểm: Hội trường lớn Tỉnh ủy.

2.2. Thời gian: Dự kiến Hội nghị được tổ chức 01 buổi, **ngày 01/6/2026 (thứ Hai)**.

2.3. Thành phần tham dự

- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

- Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; Đại diện lãnh đạo các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;

¹ Trên cơ sở nội dung báo cáo sơ kết 01 năm việc vận hành chính quyền địa phương 2 cấp thực hiện theo yêu cầu tại Công văn số 1298-CV/BTCTU, ngày 11/5/2026 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy tiếp tục cập nhật nội dung, số liệu theo đề cương và biểu mẫu kèm theo Kế hoạch này.

- Đại diện lãnh đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; Trường Chính trị Tôn Đức Thắng.

- Đại diện Thường trực các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Thường trực Đảng ủy và lãnh đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Trưởng Ban xây dựng đảng đảng ủy các xã, phường; Trưởng Ban Tổ chức các đảng ủy đặc khu.

2.4. Các đơn vị phát biểu tham luận

- Đảng ủy phường Long Xuyên, xã Giồng Riềng, xã Ô Lâm, xã Khánh Bình, xã Châu Phú, đặc khu Phú Quốc tham luận về thuận lợi, khó khăn trong vận hành hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp.

- Sở Nội vụ tham luận về thuận lợi, khó khăn trong vận hành chính quyền địa phương 2 cấp và thực hiện phân cấp, phân quyền cấp tỉnh, cấp xã.

- Sở Tài chính tham luận về việc sắp xếp, quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài sản công của các đơn vị cấp tỉnh sau hợp nhất, sáp nhập.

- Đảng ủy Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tham luận về thuận lợi, khó khăn trong quản lý các tổ chức chính trị - xã hội, các Hội được Đảng và nhà nước giao nhiệm vụ theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

* Đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi các báo cáo tham luận về Ban Tổ chức Tỉnh ủy **trước ngày 27/5/2026** để tổng hợp, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy.

3.5. Ma-kết Hội nghị

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY AN GIANG

HỘI NGHỊ

**sơ kết 01 năm thực hiện vận hành bộ máy của hệ thống chính trị
và chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh**

An Giang, ngày tháng năm 2026

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, Ban Thường vụ các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Đảng ủy Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đảng ủy Cơ quan Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, ban thường vụ đảng ủy các xã, phường, đặc khu căn cứ thực tế đơn vị, địa phương, lựa chọn hình thức sơ kết phù hợp; gửi báo cáo về Ban Tổ chức Tỉnh ủy để tổng hợp, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo sơ kết 01 năm thực hiện của tỉnh.

2. Các địa phương, cơ quan, đơn vị được phân công phát biểu tham luận căn cứ thực tế địa phương, đơn vị chuẩn bị tham luận và ý kiến phát biểu tại Hội nghị.

3. Ban Tổ chức Tỉnh ủy theo dõi tiến độ, đôn đốc việc thực hiện sơ kết của các cơ quan, đơn vị; hoàn chỉnh báo cáo kết quả sơ kết 01 năm thực hiện vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp; phối hợp Văn phòng Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị sơ kết và báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương theo quy định.

4. Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh ủy chuẩn bị thư mời, hội trường, bài phát biểu chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy và các điều kiện cần thiết cho việc tổ chức Hội nghị sơ kết. *mlf*

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương (b/c),
- Vụ III - Ban Tổ chức Trung ương,
- Đ/c Nguyễn Văn Hiệp, Phó Vụ trưởng
Vụ địa phương III - Ban Tổ chức TW,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Thanh Nhân

ĐỀ CƯƠNG

SƠ KẾT 1 NĂM VẬN HÀNH BỘ MÁY CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

A. YÊU CẦU CHUNG XÂY DỰNG BÁO CÁO

1. Báo cáo phản ánh trung thực, đầy đủ, khách quan, đúng tình hình 01 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp (*theo các trục: Khối Đảng; Khối Chính quyền địa phương (gồm Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân); Khối Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội*); số liệu chính xác (*từ ngày 01/7/2025 đến thời 31/5/2026*), thống nhất, có đối chiếu, so sánh và làm rõ những thay đổi, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ và hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, quản trị, điều hành.

2. Nội dung báo cáo bám sát Văn kiện Đại hội XIV, các nghị quyết, kết luận, chỉ thị, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và chỉ đạo của Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm; các Kế hoạch, văn bản hướng dẫn Trung ương, thể hiện rõ diễn biến, quá trình tổ chức thực hiện sắp xếp, vận hành của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị ở địa phương theo từng giai đoạn; làm nổi bật việc thực hiện, kết quả chuyển đổi phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, quản trị, điều hành, từ quản lý hành chính sang phục vụ nhân dân, kiến tạo phát triển, quản trị theo mục tiêu, kết quả, gắn với việc áp dụng nguyên tắc “6 rõ” (*rõ việc, rõ người, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ sản phẩm*) và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, dữ liệu trong theo dõi, quản trị, điều hành. Các nội dung cần được đánh giá theo hướng lấy kết quả làm thước đo, xác định rõ nội dung đã triển khai, sản phẩm đầu ra và hiệu quả thực chất; lượng hóa tối đa bằng chỉ tiêu, số liệu cụ thể, hạn chế đánh giá chung chung.

3. Ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, đầy đủ của số liệu và nội dung báo cáo; người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm tiến hành sơ kết và chất lượng báo cáo. Nội dung cần bám sát thực tiễn, nhận diện đúng các điểm nghẽn (đặc biệt về thể chế, phân cấp, phân quyền, hạ tầng, chuyển đổi số, dữ liệu, nguồn lực...) và đề xuất, kiến nghị giải pháp cụ thể, khả thi, bảo đảm vận hành hiệu quả bộ máy của hệ thống chính trị, chính quyền địa phương 2 cấp.

B. NỘI DUNG BÁO CÁO

I- ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Báo cáo khái quát đặc điểm tình hình của địa phương (*tập trung vào phạm vi quản lý, quy mô, đặc điểm, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, số lượng tổ chức đảng, đảng viên; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và các yếu tố đặc thù khác*).

- Làm rõ những thay đổi cơ bản trước và sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức bộ máy và vận hành mô hình chính quyền 2 cấp (*tập trung vào các nội dung chủ yếu: số lượng đơn vị hành chính, tổ chức đảng trực thuộc, mức độ tinh gọn; cơ cấu, mức độ phù hợp việc làm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;*

đổi mới phương thức quản trị, điều hành; những thay đổi tích cực và hiệu quả bước đầu trong vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, những nội dung còn bất cập, chưa đồng bộ...).

- Nêu ngắn gọn các yếu tố thuận lợi (*vị trí, điều kiện, hạ tầng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội...*), khó khăn (*quy mô, địa bàn phức tạp, thiếu hụt nhân lực...*) tác động trực tiếp đến việc vận hành hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp.

II- CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Công tác thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận về việc hoàn thiện, vận hành mô hình tổ chức mới của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp; công tác chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhân dân sau khi hợp nhất, sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính

- Kết quả tổ chức quán triệt, phổ biến các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương, cấp ủy cấp trên về sắp xếp, tinh gọn bộ máy, vận hành hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp; công tác thông tin, tuyên truyền, nắm tình hình, định hướng dư luận (*tập trung làm rõ: Hình thức tổ chức trực tiếp, trực tuyến, kết hợp, tuyên truyền trên hệ thống báo chí, trang thông tin điện tử và các nền tảng xã hội, phạm vi, đối tượng và tính kịp thời trong việc tuyên truyền, quán triệt*).

- Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, xử lý các vấn đề phát sinh trong giai đoạn chuyển đổi mô hình; mức độ thống nhất nhận thức trong hệ thống chính trị; tình hình ổn định tư tưởng cán bộ, công chức sau sắp xếp; mức độ đồng thuận của Nhân dân trong quá trình vận hành mô hình tổ chức mới của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp.

(Phụ lục số 1B kèm theo).

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện

- Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Trung ương thành các nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch... của cấp ủy, địa phương (*trong đó làm rõ số lượng, danh mục văn bản đã ban hành; tính kịp thời, đồng bộ, phù hợp với thực tiễn của các văn bản ban hành...*). Đánh giá tác động đến việc thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp.

- Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành: (i) Các quy định, quyết định về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của cơ quan, đơn vị, tổ chức ở địa phương; (ii) Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức ở địa phương và với các cơ quan, đơn vị ở Trung ương gắn với nguyên tắc “6 rõ”; (iii) Quy chế làm việc, quy trình, thủ tục, hồ sơ giải quyết công việc, phương thức quản trị, điều hành của cơ quan, đơn vị, tổ chức ở địa phương.

- Kết quả rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành hoặc bãi bỏ theo thẩm quyền các văn bản: (i) Lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành; (ii) Về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, tháo gỡ điểm nghẽn trong các ngành, lĩnh vực tại địa

phương để vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp; (iii) Hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các xã, phường, đặc khu trong việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

(Phụ lục số 2B kèm theo).

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn tổ chức thực hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình sắp xếp, vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp tại địa phương.

III- KẾT QUẢ SAU 01 NĂM VẬN HÀNH

Báo cáo đầy đủ kết quả thực hiện các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp theo các nghị quyết, kế hoạch, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương, cấp trên liên quan đến sắp xếp, vận hành hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp *(có số liệu chứng minh, minh họa cho các nhận định, đánh giá)*. Trong đó, nêu rõ kết quả đạt được; tổng số nhiệm vụ được Trung ương, cấp trên giao; những việc đã thực hiện, chưa thực hiện, đang thực hiện nhưng còn chậm...; ưu điểm, thuận lợi, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện theo các nội dung sau:

1. Kết quả sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị của địa phương

- Số lượng các cơ quan, đơn vị, tổ chức trước khi sắp xếp, tại thời điểm sắp xếp năm 2025 và diễn biến sau khi sắp xếp đến nay; tình hình hoạt động và hiệu quả vận hành tổ chức bộ máy của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan tham mưu, giúp việc, cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, Trung tâm phục vụ hành chính công theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

- Kết quả sắp xếp, mức độ tinh gọn các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương; tình hình, hiệu quả cung ứng dịch vụ công, phục vụ công tác quản lý nhà nước ở địa phương.

- Về biên chế, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của địa phương: Kết quả tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, xác định vị trí việc làm. Việc bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, hiệu quả sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo mô hình tổ chức mới²; công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, phát hiện và xử lý các trường hợp có biểu hiện đùn đẩy, né tránh, sợ sai, sợ trách nhiệm, không dám làm. Kết quả bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

(Phụ lục số 3B, 4B, 5B, 6B, 7B, 8B, 9B kèm theo).

² Về: (1) Chất lượng cán bộ, công chức sau sắp xếp; (2) Tỷ lệ cán bộ, công chức kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực; (3) Tình trạng chảy máu nguồn nhân lực (nghỉ việc, chuyển công tác...); (4) Tâm lý làm việc, động lực cống hiến; (5) Mức độ thích ứng công nghệ; (6) Việc xử lý cán bộ, công chức, người lao động dôi dư...

2. Việc thực hiện phân cấp, phân quyền; giải quyết thủ tục hành chính

- Kết quả phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, trách nhiệm liên thông giữa 3 cấp (Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã) cho từng ngành, lĩnh vực ở địa phương gắn với việc bảo đảm nguồn lực thực hiện. Trong đó tập trung nêu: (i) Tổng số nhiệm vụ địa phương thực hiện³; số nhiệm vụ thuộc được phân cấp, phân quyền từ Trung ương và phân định thẩm quyền giữa Trung ương và địa phương (cấp tỉnh, cấp xã) từ ngày 01/7/20025. (ii) Mức độ phù hợp giữa khối lượng, tính chất nhiệm vụ được giao với khả năng thực thi của bộ máy, đội ngũ cán bộ và nguồn lực thực hiện của cấp tỉnh, cấp xã; (iii) Tiến độ, kết quả xử lý các vấn đề vướng mắc phát sinh theo đề nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp, cấp xã khi thực hiện phân cấp, phân quyền; (iv) Tổng số quy trình công tác, hồ sơ, thủ tục hành chính... để thực hiện các nhiệm vụ của địa phương; số nhiệm vụ của cấp tỉnh, cấp xã chưa được quy định đầy đủ về quy trình công tác, hồ sơ, thủ tục hành chính; (v) Số lượng quy trình công tác, hồ sơ, thủ tục hành chính, nhiệm vụ phân cấp, phân quyền khả thi, mang lại kết quả thực chất; số lượng quy trình công tác, hồ sơ, thủ tục hành chính, nhiệm vụ không khả thi cần đánh giá, xem xét lại...; (vi) Những vướng mắc, khó khăn, bất cập khi thực hiện các quy trình công tác, hồ sơ, thủ tục hành chính và nhiệm vụ phân cấp, phân quyền; (vii) Hiệu quả của các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền.

- Kết quả cải cách, giải quyết thủ tục hành chính⁴; rà soát, sửa đổi, đơn giản hóa, cắt giảm, số hóa bao nhiêu quy trình công tác, hồ sơ, thủ tục hành chính... trong tổng số bao nhiêu quy trình công tác, hồ sơ, thủ tục hành chính.

- Kết quả triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, mức độ kết nối, liên thông các cơ sở dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cổng dịch vụ công quốc gia, VneID...; kết quả giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính, xử lý các phát sinh trong thực tiễn; những khó khăn, vướng mắc chủ yếu trong quá trình thực hiện giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công như: đất đai, thủ tục kinh doanh, thuế...

(Phụ lục số 10B, 11B kèm theo).

3. Về bảo đảm nguồn lực tài chính hoạt động của hệ thống chính trị

- Về phân bổ dự toán ngân sách nhà nước: Việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước ở địa phương; trong đó, làm rõ nguyên tắc, tiêu chí, mức độ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; khả năng đáp ứng yêu cầu hoạt động thường xuyên và nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo, tập hợp, vận động quần chúng, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại; những khó khăn, bất cập trong quá trình phân bổ và tổ chức thực hiện.

³ Ví dụ như Thành phố Hà Nội: Đến tháng 2/2026, đã rà soát 2.007 nhiệm vụ quản lý nhà nước (1.239 cấp Thành phố, 768 cấp xã); sau phân cấp, cấp xã tăng lên 962 nhiệm vụ, các sở, ngành còn 1.045 nhiệm vụ....

⁴ Ví dụ như Thành phố Hà Nội: Đến cuối năm 2025 đã ủy quyền 310 thủ tục, gồm 97 từ Ủy ban nhân dân Thành phố; 252 từ các sở, ngành và 37 giữa các cơ quan...

- Kết quả thực hiện thu, chi ngân sách cấp tỉnh, cấp xã; mức độ chủ động trong quản lý, điều hành ngân sách; hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính; việc bảo đảm cân đối ngân sách, chấp hành kỷ luật, kỷ cương tài chính.

(Phụ lục số 12B kèm theo).

4. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài sản công

- Kết quả xử lý, sử dụng cơ sở nhà đất, trang thiết bị, tài sản công: Số cơ sở nhà, đất công đã xử lý, chưa xử lý; việc chuyển đổi công năng sử dụng; trang thiết bị, xe công (bao nhiêu cơ sở đã đưa vào sử dụng hiệu quả, bao nhiêu cơ sở đã xử lý nhưng chưa khai thác được, những mô hình chuyển đổi công năng sử dụng hiệu quả cho y tế, giáo dục, văn hóa...); có phát sinh lãng phí hay không). Hiệu quả tài chính trong sử dụng tài sản công sau sắp xếp *(phương án xử lý đối với trụ sở dôi dư)*.

- Các điều kiện đảm bảo vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp: Cơ sở vật chất, trụ sở làm việc, hạ tầng, trang thiết bị làm việc, công nghệ, phòng họp trực tuyến, dữ liệu quốc gia, chuyên ngành.

- Chính sách của địa phương hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp, thực hiện mô hình tổ chức mới: hỗ trợ về đi lại, nhà ở đối với công chức, viên chức...

- Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức, thực hiện sắp xếp, bố trí, quản lý, xử lý trụ sở, nhà, đất đai, tài sản công, chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính.

5. Số hóa tài liệu, lưu trữ

- Công tác số hóa tài liệu, lưu trữ, tạo lập dữ liệu *(trong đó làm rõ khối lượng, tiến độ, mức độ thực hiện số hóa tài liệu, tạo lập dữ liệu; mức độ bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin; việc phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính và công tác tập hợp, vận động quần chúng)*; những khó khăn, vướng mắc và yêu cầu đặt ra đối với công tác số hóa tài liệu, lưu trữ, tạo lập dữ liệu trong thời gian tới.

- Việc sử dụng chữ ký số, văn bản điện tử, hồ sơ điện tử.

6. Về hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số

- Tình hình đầu tư trang thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin ở cấp tỉnh, cấp xã *(máy chủ, máy trạm, thiết bị đầu cuối, mạng, trung tâm dữ liệu...)*. Hạ tầng công nghệ thông tin, đường truyền, hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu, mức độ kết nối, liên thông giữa các cấp trong quá trình triển khai. Các điểm nghẽn kỹ thuật.

- Mức độ chuyển đổi số của địa phương đáp ứng yêu cầu vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp; việc thực hiện chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực và trong công tác tổ chức xây dựng Đảng; mức độ tiếp cận, sử dụng dịch vụ số của người dân, doanh nghiệp; kỹ năng số của cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cấp xã; những khó khăn, vướng mắc và những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong thời gian tới.

7. Về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị sau khi vận hành hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 02 cấp

Tình hình, kết quả công tác tiếp công dân; giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo (*tập trung nêu rõ: Số lượng đơn thư; kết quả xử lý; số lượng vụ việc tồn đọng trước 31/5/2026; số vụ việc phát sinh; số vụ việc đã giải quyết dứt điểm; số đang giải quyết theo lộ trình; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị*). (Phụ lục số 13B kèm theo).

8. Cách làm hay, mô hình sáng tạo

Nêu các mô hình, sáng kiến, cách làm hiệu quả từ thực tiễn có khả năng nhân rộng kèm theo các yêu cầu, điều kiện để triển khai nhân rộng (*ví dụ như: trong đổi mới phương thức điều hành; sắp xếp tổ chức bộ máy tại cơ sở, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; phân cấp, phân quyền; chuyển đổi số trong điều hành; cải cách hành chính, phối hợp liên ngành*).

IV- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, nguyên nhân (khách quan, chủ quan)

- Đánh giá toàn diện, thực chất, khách quan, đúng tình hình về các ưu điểm, thuận lợi sau 1 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp (về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản trị, điều hành; tổ chức và hoạt động của mô hình mới, hiệu quả vận hành, phục vụ người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trật tự an toàn xã hội ở địa phương...).

- Làm rõ nguyên nhân của ưu điểm, thuận lợi (khách quan, chủ quan).

2. Hạn chế, nguyên nhân (khách quan, chủ quan)

- Đánh giá toàn diện, thực chất, khách quan những việc chưa thực hiện, đang thực hiện nhưng còn chậm... theo chủ trương, kết luận của Trung ương, cấp trên; xác định rõ khó khăn, vướng mắc, hạn chế, các điểm nghẽn lớn (*tập trung vào: công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, tổ chức bộ máy, cơ chế vận hành, năng lực, tư duy, trách nhiệm, khả năng đáp ứng của đội ngũ cán bộ; về phân cấp, phân quyền; cải cách hành chính, chuyển đổi số và hạ tầng dữ liệu...*) sau 1 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp.

- Làm rõ nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc, hạn chế (khách quan, chủ quan).

3. Bài học kinh nghiệm

- Bài học về vai trò lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cấp ủy và chính quyền.

- Bài học về bố trí, sử dụng và phát triển đội ngũ cán bộ.

- Bài học về quản lý, sắp xếp và khai thác hiệu quả tài sản công.

- Bài học về ứng dụng công nghệ, dữ liệu trong quản trị.

- Bài học cơ chế phối hợp giữa các đơn vị, cơ quan, địa phương.

- Bài học khác do cơ quan, đơn vị, địa phương đề xuất, rút kinh nghiệm.

V- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026 - 2031

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thông tin, tuyên truyền, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát.

2. Về xây dựng, hoàn thiện đồng bộ quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp; rà soát, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ chế vận hành, sắp xếp tinh gọn tổ chức bên trong, giảm số lượng lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị; phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, cải cách hành chính, tinh giản quy trình công việc, giảm khâu trung gian trong tác nghiệp, bảo đảm hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

3. Về sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp xã theo hướng tiếp tục mở rộng không gian, dư địa để tập trung đẩy mạnh phát triển (nếu cần thiết).

4. Về sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, cơ sở giáo dục, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước; chuyển giao các nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm; đẩy mạnh tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường xã hội hóa những công việc, dịch vụ mà khu vực tư nhân có thể thực hiện tốt, nhất là lĩnh vực giáo dục, y tế.

5. Về quản lý cán bộ, công chức, viên chức; biên chế của hệ thống chính trị: các nhiệm vụ, giải pháp đột phá để thực hiện được mục tiêu nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, có tư duy, năng lực quản trị tiên tiến, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu kiến tạo, phát triển và phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn.

6. Về xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu chuyên ngành và liên thông từ Trung ương đến cấp tỉnh, cấp xã bảo đảm “*đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, liên thông, dùng chung*”, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, phương pháp quản trị, quản lý mới trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị, nâng cao năng suất lao động, giảm giờ làm, cải cách chính sách tiền lương khu vực công.

7. Về tháo gỡ các điểm nghẽn, giải phóng nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, yêu cầu phát triển và tăng trưởng 2 con số của đất nước trong giai đoạn mới.

VI- KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị, đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. Kiến nghị, đề xuất với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Kiến nghị, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4. Kiến nghị, đề xuất với Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ, ban, bộ, ngành, cơ quan Trung ương.

Biểu 1B**KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN VÀ KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐỊA PHƯƠNG TỪ NGÀY 01/7/2025 ĐẾN NGÀY 31/5/2026**

TT	Nội dung	Tổng số lượng	Trong đó chia theo cấp tham gia tập huấn, quản triệt/đối tượng được kiểm tra giám sát		
			Cấp tỉnh	Cấp xã	Cả cấp tỉnh và cấp xã
I	Công tác quản triệt, tuyên truyền				
1	Hội nghị quản triệt				
2	Lớp tập huấn				
3	Hình thức khác				
II	Công tác kiểm tra, giám sát				
1	Số cuộc kiểm tra				
2	Số cuộc giám sát				

- (1) Tính theo số lượng hội nghị, lớp tập huấn và chia ra theo các đối tượng
(2) Tính theo số cuộc kiểm tra, giám sát và chia ra theo đối tượng được kiểm tra

Biểu 2B

**THÔNG KÊ CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN VẬN HÀNH HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ,
CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP TỪ NGÀY 01/7/2025 ĐẾN NGÀY 31/5/2026**

STT	Tên loại văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>
I	Cấp ủy cấp tỉnh				
...	..				
II	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh				
...				
III	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh				
IV	Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cấp tỉnh				

II	CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ (Công chức chuyên môn không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo từng lĩnh vực)																
1	Lĩnh vực Văn phòng																
2	Lĩnh vực Tư pháp																
3	Lĩnh vực Đối ngoại																
4	Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch																
5	Lĩnh vực Xây dựng																
6	Lĩnh vực Công Thương																
7	Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường																
8	Lĩnh vực Nội vụ																
9	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo																
10	Lĩnh vực Văn hóa, Khoa học và Thông tin, chuyển đổi số																
11	Lĩnh vực Y tế																
12	Trung tâm Phục vụ hành chính công																
13	Lĩnh vực, vị trí khác																
	TỔNG SỐ															

Lưu ý: Số liệu báo cáo cập nhật đến ngày 31/5/2026. Đối tượng tổng hợp bao gồm các CBCC trong các cơ quan thuộc Đảng uỷ, MTTQ, các đoàn thể, HĐND, UBND cấp xã.

Biểu 8B

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA ĐỊA PHƯƠNG
(số liệu tính đến ngày 31/5/2026)

TT	Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý (thuộc UBND cấp tỉnh, sở, chi cục thuộc sở, tổ chức hành chính khác thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã...)	Số lượng cơ cấu tổ chức bên trong của ĐVSNCL, doanh nghiệp	Dự kiến phương án sắp xếp theo định hướng tại Công văn số 59-CV/BCĐ		TT	Kết quả sau khi thực hiện phương án sắp xếp ĐVSNCL, doanh nghiệp theo dự kiến						
				Cơ cấu lại (hợp nhất, sáp nhập) hoặc giải thể do hoạt động không hiệu quả (ghi cụ thể)	Sắp xếp ĐVSNCL, doanh nghiệp theo định hướng của BCĐ (ghi cụ thể)		Đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực	Vị trí pháp lý	Số lượng cơ cấu tổ chức bên trong của ĐVSNCL, doanh nghiệp sau sắp xếp, tinh gọn	Mức độ tự chủ (áp dụng với ĐVSNCL)			
										ĐV tự bảo đảm chi TX và chi ĐT	ĐV tự bảo đảm chi TX	ĐV tự bảo đảm một phần chi TX	ĐV do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi TX
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG						TỔNG						
I	Khối đảng					I	Khối đảng						
..						
II	Khối MTTQ, các đoàn thể					II	Khối MTTQ, các đoàn thể						
<i>1</i>	<i>Các đơn vị sự nghiệp</i>					<i>1</i>	<i>Các đơn vị sự nghiệp</i>						
<i>2</i>	<i>Các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ</i>					<i>2</i>	<i>Các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ</i>						
III	Khối Chính quyền					III	Khối Chính quyền						
<i>1</i>	<i>Lĩnh vực giáo dục</i>					<i>1</i>	<i>Lĩnh vực giáo dục</i>						
1,1	Đại học					1,1	Đại học						

						
1,2	Cao đẳng						1,2	Cao đẳng					
						
1,3	Trung cấp nghề						1,3	Trung cấp nghề					
						
1,4	Trung tâm GDNN						1,4	Trung học nghề					
						
1,5	Trung tâm GDTX						..						
						
1,6	Trung học phổ thông						1,5	Trung học phổ thông					
						
1,7	Trung học cơ sở						1,6	Trung học cơ sở					
						
1,8	Tiểu học						1,7	Tiểu học					
						
1,9	Mầm non						1,8	Mầm non					
						
1,10	Trường liên cấp						1,9	Trường liên cấp					

						
						
1,11	ĐVSNCL khác					1,10	ĐVSNCL khác						
						
2	Lĩnh vực Y tế					2	Lĩnh vực Y tế						
2,1	Bệnh viện cấp tỉnh					2,1	Bệnh viện						
							...						
	Bệnh viện đa khoa (cấp huyện trước đây)						...						
						
2,2	Trung tâm y tế					2,2	Trung tâm y tế						
						
2,3	Trạm y tế cấp xã					2,3	Trạm y tế cấp xã						
	...												
3	Lĩnh vực Xây dựng					3	Lĩnh vực Xây dựng						
	Ban quản lý dự án					3,1	Ban quản lý dự án thuộc UBND cấp tỉnh						
						

	..					3,2	Ban quản lý dự án thuộc UBND cấp xã						
						
	..					3,3	Ban quản lý dự án liên xã, phường						
						
	..					1,3	Các ĐVSNCL khác						
						
4	Lĩnh vực Văn hóa, thông tin					4	Lĩnh vực Văn hóa, thông tin						
	Trung tâm Văn hóa						Trung tâm Văn hóa						
						
5	Lĩnh vực nông nghiệp, môi trường					5	Lĩnh vực nông nghiệp, môi trường						
	Trung tâm phát triển quỹ đất						Trung tâm phát triển quỹ đất						
						
	ĐVSNCL khác						ĐVSNCL khác						
						
6	Các ĐVSNCL thuộc các ngành, lĩnh vực khác					6	Các ĐVSNCL thuộc các ngành, lĩnh vực khác						
						

Biểu 12B

TỔNG THU, CHI NGÂN SÁCH CỦA ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 VÀ NĂM 2026

STT	Nội dung	Năm 2025		Kế hoạch, dự toán giao năm 2026		Số thực hiện đến 31/5/2026		Ghi chú
		Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	
I	Tổng thu ngân sách nhà nước							
<i>1</i>	<i>Cấp tỉnh</i>							
<i>2</i>	<i>Cấp xã</i>							
II	GRDP							
<i>1</i>	<i>Cấp tỉnh</i>							
<i>2</i>	<i>Cấp xã</i>							
III	Tổng chi ngân sách nhà nước							
<i>1</i>	<i>Tổng chi cấp tỉnh</i>							
1.1	Tổng chi đầu tư phát triển							
1.2	Tổng chi thường xuyên							
-	Chi cho tổ chức bộ máy							
-	Chi sự nghiệp y tế							
-	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo							
-	Chi thường xuyên khác							
1.3	Các khoản chi khác							
<i>2</i>	<i>Tổng chi cấp xã</i>							
2.2	Tổng chi đầu tư phát triển							
2.2	Tổng chi thường xuyên							
-	Chi cho tổ chức bộ máy							
-	Chi sự nghiệp y tế							
-	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo							
-	Chi thường xuyên khác							
2.3	Các khoản chi khác							

Biểu 13B**CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, ĐƠN THƯ, TỐ CÁO CỦA ĐỊA PHƯƠNG TỪ NGÀY 01/7/2025 ĐẾN NGÀY 31/5/2026**

STT	Nội dung	Số cuộc tiếp công dân từ 01/7/2025 đến 31/5/2026	Số đơn thư, khiếu nại, tố cáo tồn đọng đến ngày 30/6/2025 chưa giải quyết và đang giải quyết	Số đơn thư, khiếu nại, tố cáo phát sinh từ 01/7/2025 đến 31/5/2026	Số đơn thư, khiếu nại, tố cáo đã giải quyết dứt điểm từ 01/7/2025 đến 31/5/2026	Số đơn thư, khiếu nại, tố cáo đang giải quyết tính đến 31/5/2026	Số đơn thư, khiếu nại, tố cáo chưa giải quyết tính đến 31/5/2026	Ghi chú
I	Cấp tỉnh							
1	Bí Thư tỉnh ủy, thành ủy							
2	Chủ tịch UBND cấp							
3	Cấp sở, ban, ngành							
II	Cấp xã							
1	Bí thư xã, phường, đặc khu							
2	Chủ tịch UBND cấp xã							
3	Các phòng ban chuyên môn							
*	Tổng cộng: I+II							